

và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tỉnh Thanh Hóa tham gia tiếp thu và triển khai đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ cho thành viên BCĐ, thành viên Tổ Thường trực, giám sát viên và điều tra viên các cấp.

Về công tác thu thập thông tin

Thực hiện Công văn 987/TCTK-TTDL ngày 25/6/2021 về việc tổ chức Lễ ra quân Tổng điều tra kinh tế năm 2021, sáng ngày 01/7/2021, BCĐ tỉnh Thanh Hóa tổ chức Lễ ra quân Tổng điều tra giai đoạn II tại xã Trường Sơn, huyện Nông Cống với các thành phần BCĐ các cấp theo quy định, cùng các cơ quan truyền thông như Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa và Đài phát thanh huyện Nông Cống dự và đưa tin.

Đến hết ngày 30/7/2021, trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc điều tra tại cơ sở, với 179.771 cơ sở cá thể, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó: Số cơ sở không còn tại ĐB/không liên hệ được/không còn SXKD là 2.253 cơ sở, chiếm 1,25% so tổng số danh sách điều tra; số cơ sở đã hoàn thành là 177.518, đạt tỷ lệ 98,75% và 907 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó: Số cơ sở không còn tại: 02 cơ sở, chiếm 0,22% so tổng số danh sách điều tra; số cơ sở đã hoàn thành là 905 đạt tỷ lệ 99,78%.

Về công tác nghiệm thu và bàn giao phiếu điều tra

Thực hiện Kế hoạch chung của Ban Chỉ đạo tỉnh và hướng dẫn số 172/HD-TCTK ngày 13/8/2021, Tổ Thường trực giúp việc Ban chỉ đạo tỉnh đã xây dựng kế hoạch và hướng dẫn Ban Chỉ đạo các cấp tổ chức nghiệm thu và duyệt dữ liệu Tổng điều tra theo 3 cấp như sau:

- BCĐ cấp xã nghiệm thu toàn bộ phiếu điều tra của điều tra viên cấp xã và các biểu tổng hợp nhanh kết quả điều tra trên địa bàn xã, phường, thị trấn: thời gian từ ngày 01/8 - 15/8/2021.

- BCĐ cấp huyện, thị xã, thành phố nghiệm thu toàn bộ phiếu điều tra của điều tra viên cấp huyện và các tài liệu của Ban Chỉ đạo cấp xã xong trước ngày 15/9/2021.

- BCĐ cấp tỉnh nghiệm thu toàn bộ phiếu điều tra của điều tra viên cấp tỉnh và các tài liệu của Ban Chỉ đạo cấp huyện xong trước ngày 30/9/2021.

Với quyết tâm cao Ban Chỉ đạo tỉnh Thanh Hóa tập trung chỉ đạo Ban Chỉ đạo các cấp hoàn thành công tác nghiệm thu dự kiến sớm hơn so với kế hoạch và hoàn thành đồng bộ công tác Tổng điều tra kinh tế năm 2021 trên địa bàn tỉnh để bàn giao tài liệu cho BCĐ Trung ương trước ngày 15/10/2021./.

Nguyễn Mạnh Hiệp

Quyền Cục trưởng, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa

1. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Do đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát diễn biến phức tạp trên cả nước, nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội đã làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất - chế biến - tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản.

a) Nông nghiệp

Tính đến ngày 15/8, cả nước gieo cấy được 1.409,1 nghìn ha lúa mùa, bằng 98% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.037,3 nghìn ha, bằng 99,4%; các địa phương phía Nam đạt 371,8 nghìn ha, bằng 94,4%. Hầu hết lúa được gieo cấy trong khung thời vụ tốt nhất, trà lúa sớm đang trong giai đoạn già đòng, trổ bông; trà lúa chính vụ đang trong giai đoạn ôm đòng sinh trưởng và phát triển tốt.

Vụ lúa hè thu năm nay cả nước gieo cấy được 1.955,9 nghìn ha, tăng 10,8 nghìn ha so với vụ hè thu năm trước. Diện tích lúa hè thu tăng chủ yếu ở các địa phương thuộc Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, do thời tiết thuận lợi.

Tính đến trung tuần tháng Tám, cả nước thu hoạch được 999,4 nghìn ha lúa hè thu, chiếm 51,1% diện tích gieo cấy và bằng 97,9% cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi lợn và gia cầm chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhiều chợ đầu mối, chợ truyền thống tạm ngưng hoạt động, chi phí sản xuất tăng, khâu lưu thông bị gián đoạn, lượng vật nuôi tồn đọng trong chuồng cao, tăng nguy cơ thua lỗ. Các doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi theo chuỗi liên kết vẫn đảm bảo tiêu thụ, giá bán được duy trì với mức ổn định. Ước tính đến thời điểm cuối tháng Tám, tổng số lợn của cả nước tăng 4,5% so với cùng thời điểm năm 2020; số gia cầm tăng 4,2%. Tổng số trâu giảm 3,8% so với cùng thời điểm năm 2020; tổng số bò tăng 1,8%.

b) Lâm nghiệp

Tính chung 8 tháng năm 2021, diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 143,4 nghìn ha, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 56,2 triệu cây, tăng 1,7%; sản lượng gỗ khai thác đạt 11.085,2 nghìn m³, tăng 5,1%; sản lượng củi khai thác đạt 12,9 triệu ste, giảm 0,5%.

Ước tính 8 tháng năm 2021, diện tích rừng bị thiệt hại là 1.726,8 ha, tăng 45,0% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm diện tích rừng bị cháy là 963 ha, tăng 66,8%; diện tích rừng bị chặt, phá là 763,8 ha, tăng 24,6%.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 8 THÁNG NĂM 2021

c) Thủy sản

Tính chung 8 tháng năm 2021, sản lượng thủy sản ước tính đạt 5.692,5 nghìn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 2.987,7 nghìn tấn, tăng 1,8%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.704,8 nghìn tấn, tăng 0,8% (sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 2.581,0 nghìn tấn, tăng 0,9%).

2. Sản xuất công nghiệp

Tính chung 8 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù cao hơn tốc độ tăng 2,2% của cùng kỳ năm 2020 nhưng thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng 9,5% của cùng kỳ năm 2019. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 7%, đóng góp 5,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,6%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%, làm giảm 1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất 8 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19: (1) Đồng Tháp giảm 10,9%; (2) Khánh Hòa giảm 7,9%; (3) Bến Tre giảm 6,9%; (4) Thành phố Hồ Chí Minh giảm 6,6%; (5) Trà Vinh giảm 4%; (6) Bà Rịa-Vũng Tàu giảm 3%...

Một số địa phương có chỉ số IIP 8 tháng năm 2021 tăng khá so với cùng kỳ năm trước: (1) Ninh Thuận tăng 34,1%; (2) Nghệ An tăng 23,1%; (3) Hải Phòng tăng 20,6%;

(4) Bắc Ninh tăng 9,8%; (5) Quảng Ngãi tăng 9%; (6) Hưng Yên tăng 8%; (7) Quảng Ninh tăng 7,4%; (8) Bắc Giang tăng 6,5%; (9) Đồng Nai tăng 4,4%; (10) Bình Dương tăng 4,3%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/8/2021 giảm 10,6% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 4,3%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 9,7%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 12%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt giãn cách liên tiếp đã khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là các địa phương phía Nam. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 8 tháng năm 2021 là 85,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh có 24 nghìn doanh nghiệp (chiếm 28,1% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường), tăng 6,6%. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 43,2 nghìn doanh nghiệp, chiếm 50,5% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Trung bình mỗi tháng có gần 10,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Tính chung 8 tháng năm 2021, cả nước có 81,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là gần 1.133,4 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 598,9 nghìn

lao động; giảm 8% về số doanh nghiệp, giảm 7,5% về vốn đăng ký và giảm 13,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 8 tháng đạt 13,9 tỷ đồng, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 1.539,4 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của gần 30,1 nghìn doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 8 tháng năm 2021 là gần 2.672,8 nghìn tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, còn có 32,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 8 tháng năm 2021 là 114 nghìn doanh nghiệp.

4. Đầu tư

Tính chung 8 tháng năm 2021, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 244,9 nghìn tỷ đồng, bằng 51,1% kế hoạch năm và giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- Vốn Trung ương quản lý đạt 41,6 nghìn tỷ đồng, bằng 49,6% kế hoạch năm và tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn địa phương quản lý đạt 203,3 nghìn tỷ đồng, bằng 51,5% kế hoạch năm và giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/8/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 19,12 tỷ USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 1.135 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 11,33 tỷ USD, giảm 36,8% về số dự án và tăng 16,3% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước;

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 8 tháng năm 2021, ước tính đạt 11,58 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 8,31 tỷ USD, chiếm 71,7% tổng vốn đầu tư thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,44 tỷ USD, chiếm 12,4%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,09 tỷ USD, chiếm 9,4%.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 8 tháng năm 2021 có 40 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 150,1 triệu USD, giảm 31,3% so với cùng kỳ năm trước;...Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) đạt 575 triệu USD, tăng 74,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 8 tháng có 20 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó Hoa Kỳ là nước dẫn đầu với 302,8 triệu USD, chiếm 52,7% tổng vốn đầu tư;...

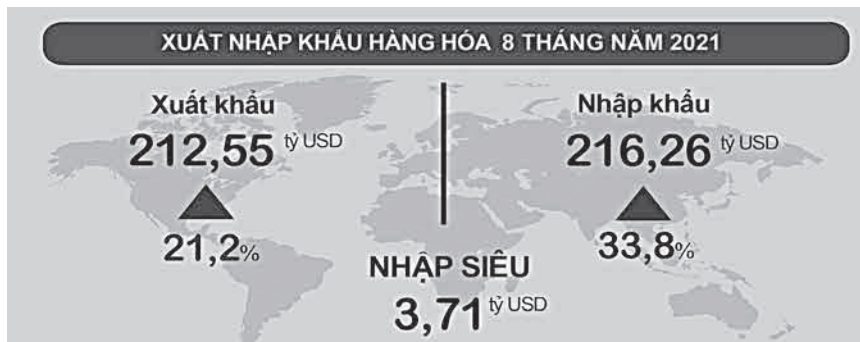
5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách Nhà nước:

Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/8/2021 đạt 947,1 nghìn tỷ đồng, bằng 70,5% dự toán năm (thu ngân sách Trung ương đạt 67,3%; thu ngân sách địa phương đạt 74,4%). Cụ thể: Thu nội địa đạt 770,9 nghìn tỷ đồng, bằng 68% dự toán năm; Thu từ dầu thô đạt 23,4 nghìn tỷ đồng, bằng 101,1% dự toán năm; Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 152,1 nghìn tỷ đồng, bằng 85,2% dự toán năm.

Chi ngân sách Nhà nước:

Tổng chi ngân sách Nhà nước lũy kế từ đầu năm đến thời điểm 15/8/2021 đạt 864,1 nghìn tỷ đồng, bằng 51,2% dự toán năm, trong đó: Chi thường xuyên đạt



614,7 nghìn tỷ đồng, bằng 59,3%; chi đầu tư phát triển 177,6 nghìn tỷ đồng, bằng 37,2%; chi trả nợ lãi 67,3 nghìn tỷ đồng, bằng 61,2%.

6. Thương mại, chỉ số giá, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tính chung 8 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.044,5 nghìn tỷ đồng, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 6,2%.

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 8 tháng năm 2021 ước tính đạt 2.499,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 82,1% tổng mức và giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 254,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,4% tổng mức và giảm 19,8%; Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,1% tổng mức và giảm 61,8%; Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 286 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,4% tổng mức và giảm 13,6%.

b) Xuất nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng 8 năm 2021, dịch Covid-19 khiến nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước phải tiếp tục thực hiện giãn cách, đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước tính vẫn đạt ở mức cao: 428,81 tỷ USD, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu hàng hóa

Tính chung 8 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 212,55 tỷ USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 55,69 tỷ USD, tăng 10,5%, chiếm 26,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 156,86 tỷ USD, tăng 25,5%, chiếm 73,8%.

Trong 8 tháng năm 2021 có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,1%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 8 tháng, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước tính đạt 2,29 tỷ USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,1% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Nhóm hàng công nghiệp chế biến ước tính đạt 189,28 tỷ USD, tăng 22,5% và chiếm 89,1%. Nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 15,4 tỷ USD, tăng 14,9% và chiếm 7,2%. Nhóm hàng thủy sản đạt 5,58 tỷ USD, tăng 7,1% và chiếm 2,6%.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 62,2 tỷ USD, tăng 32,5% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 32,7 tỷ USD, tăng 19,8%. Thị trường EU đạt 26,1 tỷ USD, tăng 14,5%. Thị trường ASEAN đạt 18,4 tỷ USD, tăng 23,3%. Hàn Quốc

đạt 13,9 tỷ USD, tăng 9,9%. Nhật Bản đạt 13,5 tỷ USD, tăng 8,6%.

Nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 8 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 216,26 tỷ USD, tăng 33,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 76,05 tỷ USD, tăng 29,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 140,21 tỷ USD, tăng 36,4%.

Trong 8 tháng năm 2021 có 33 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 88,7% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 8 tháng năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 204,16 tỷ USD, tăng 34,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 94,4% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu. Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 12,1 tỷ USD, tăng 24% và chiếm 5,6%.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 72,5 tỷ USD, tăng 47,1% so với cùng kỳ năm trước.

8 tháng năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 3,71 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 13,69 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 20,36 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 16,65 tỷ USD.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa

Tính chung 8 tháng năm 2021, vận tải hành khách đạt 1.926,7 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 18,8% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 80,1 tỷ lượt khách.km, giảm 25,9%.

Vận tải hàng hóa 8 tháng đạt 1.069,3 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 216,5 tỷ tấn.km, tăng 0,9%.

d) Khách quốc tế đến Việt Nam

Tính chung 8 tháng năm 2021, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 105 nghìn lượt người, giảm 97,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 68,8 nghìn lượt người, chiếm 65,5% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và giảm 97,7% so với cùng kỳ năm trước;...

Trong 8 tháng năm nay, khách đến từ châu Á đạt 90,6 nghìn lượt người, chiếm 86,2% tổng số khách quốc tế đến nước ta, giảm 96,7% so với cùng kỳ năm trước. Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 9,3 nghìn lượt người, giảm 98,6%; khách đến từ châu Mỹ đạt 3,5 nghìn lượt người, giảm 98,5%; khách đến từ châu Úc đạt 832 lượt người, giảm 99,2%; khách đến từ châu Phi đạt 867 lượt người, giảm 92,9%.

7. Một số tình hình xã hội

a) Công tác an sinh xã hội

Bên cạnh việc tích cực triển khai gói hỗ trợ 26 nghìn tỷ đồng theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục có những chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo đời sống cho người dân thông qua các các văn bản như: Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 về các giải pháp cấp bách, phòng chống dịch Covid-19; Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 16/8/2021, chỉ đạo Bộ Tài chính xuất cấp 4.117,8 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các tỉnh: Bình Phước, Bạc Liêu, Sóc Trăng; Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 20/8/2021, xuất cấp 130,2 nghìn tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ người dân 24 tỉnh, thành phố gặp khó khăn do Covid-19.

Riêng Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ dịch Covid-19,

ngoài việc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ngân sách địa phương đã trích 1.791 tỷ đồng và nhận hỗ trợ từ Bộ Thông tin và Truyền thông gói hỗ trợ "Tấm lòng mùa dịch, san sẻ yêu thương" hỗ trợ thêm cho người dân trong mùa dịch.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Tại Việt Nam, số ca mắc mới tăng nhanh, đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và các tỉnh phía Nam. Tính đến sáng ngày 28/8/2021, Việt Nam có 410.366 trường hợp mắc, trong đó 198.614 trường hợp đã được chữa khỏi và 10.053 trường hợp tử vong. Có 8 địa phương đã qua 14 ngày không ghi nhận trường hợp nhiễm mới trong nước: Quảng Ninh, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lai Châu, Hoà Bình, Yên Bái, Hà Giang, Kon Tum.

c) Tai nạn giao thông

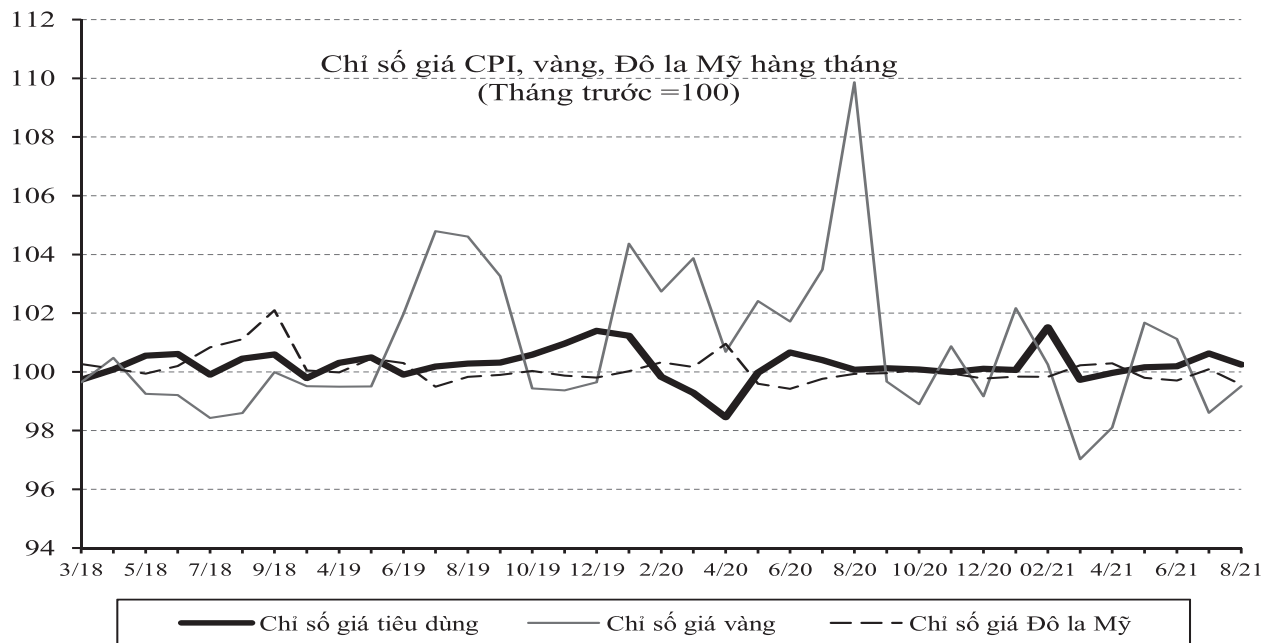
Tính chung 8 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 7.647 vụ tai nạn giao thông, làm 3.892 người chết, 2.543 người bị thương và 2.783 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 16,6%; số người chết giảm 10,4%; số người bị thương giảm 7,5% và số người bị thương nhẹ giảm 30%.

d) Thiệt hại do thiên tai

Tính chung 8 tháng năm nay, thiên tai làm 56 người chết và mất tích, 95 người bị thương; 501 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 11,2 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại; 8 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 75,6 nghìn ha lúa và 37,4 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 913,1 tỷ đồng, giảm 86,5% so với cùng kỳ năm trước./.

Trích Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và tám tháng năm 2021 - TCTK

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 8 năm 2021



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 8 NĂM 2021 SO VỚI				8 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 8 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 7 năm 2021	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	105,79	102,82	102,51	100,25	101,79
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,56	101,15	101,97	100,74	100,86
1- Lương thực	108,99	105,09	103,31	100,69	105,41
2- Thực phẩm	111,37	100,11	101,83	100,97	99,62
3- Ăn uống ngoài gia đình	109,26	102,10	101,76	100,19	102,02
II. Đồ uống và thuốc lá	103,73	101,92	101,59	100,22	101,63
III. May mặc, mũ nón, giày dép	102,22	100,89	100,43	99,97	100,86
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	105,83	104,34	103,35	100,00	101,98
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,30	100,57	100,60	100,00	100,54
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	102,39	100,16	100,12	100,02	100,20
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,42	100,02	100,01	100,00	100,05
VII. Giao thông	102,31	113,63	111,65	99,94	107,59
VIII. Bưu chính viễn thông	98,06	99,15	99,37	99,95	99,27
IX. Giáo dục	107,28	103,98	100,49	100,04	104,08
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	107,70	104,25	100,38	100,00	104,44
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	98,55	99,08	99,62	99,97	98,86
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	104,85	101,24	100,89	100,00	101,59
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	136,25	96,98	98,35	99,51	113,80
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	98,97	99,08	99,33	99,56	99,18

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng